TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2024/DS-ST
Ngày: 19-9-2024.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Văn Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Thị N– Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 411/ 2024/TLST-DS ngày 01/7/2024việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 168ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H, chức danh: Tổng giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L1- ông Cồ Lê H1, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ Bá L, sinh năm 2002 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Lầu A, B L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: BàĐào Thị Tuyết Nhi, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: 7 đường C, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Bá L trình bày:

Công ty T (Việt Nam) (sau đây gọi là công ty) hoạt động trong lĩnh vực tài chính, trong đó có hoạt động cho vay được ngân hàng N2 cấp giấy phép hoạt động

theo quy định pháp luật Việt Nam. Việc cho vay thực hiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các luật khác có liên quan.

Ngày 09/01/2023, Công ty và bà Đào Thị Tuyết N1 đã ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4185564 để bà Đào Thị Tuyết N1 vay số tiền 21.540.000 đồng, trong đó: 20.000.000 đồng tiền vay và 1.540.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay theo chứng nhận bảo hiểm số 9581312 ngày 09/01/2023, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất trong hạn 46%/năm. Theo đó mỗi tháng bà N1 có nghĩa vụ thanh toán với số tiền 1.387.935 đồng vào ngày 15 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N1 đã thanh toán cho công ty được 02 kỳ với tổng số tiền 2.800.000 đồng, trong đó gồm: gốc đã trả: 1.025.024 đồng, lãi: 1.750.976 đồng, phí: 24.000 đồng.

Từ ngày 18/03/2023, bà N1 đã ngừng thanh toán. Công ty nhiều lần yêu cầu bà N1 thanh toán nhưng không bà N1 không trả thêm bất cứ khoản nào.

Nay, nguyên đơn yêu cầu bà N1 phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 19/9/2024 là 37.870.294 đồng, trong đó tiền gốc 20.514.976 đồng, lãi trong hạn 9.858.820 đồng, lãi quá hạn 6.656.092 đồng và lãi chậm trả 840.406 đồng.

Ngoài ra, bà N1 phải tiếp tục trả lãi của số tiền chưa trả theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4185564 ngày 09/01/2023 kể từ ngày 20/9/2024 cho đến khi bà N1 trả hết nợ.

2. Bị đơn bà Đào Thị Tuyết N1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết có hình thức, nội dung phù hợp với quy định pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân khoản vay, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam) đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng giữa các bên đã ký kết nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa

Đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn.

Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4185564 ngày 09/01/2023

Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4185564 ngày 09/01/2023 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn theo nguyên đơn trình bày hai bên giao kết hợp đồng qua hình thức dữ liệu điện tử, nguyên đơn cung cấp mã OTP cho bị đơn, bị đơn đăng nhập tài khoản bằng mã OTP được cấp và xác thực tài khoản để giao kết hợp đồng. Công ty T (Việt Nam) đã giải ngân khoản vay số tiền 21.540.000 đồng, trong đó: 20.000.000 đồng tiền vay và 1.540.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay theo chứng nhận bảo hiểm số 9581312 ngày 09/01/2023, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất trong hạn 46%/năm cho bà Đào Thị Tuyết N1 vào số tài khoản 19033529055011 của bà N1.

Như vậy, căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4185564 ngày 09/01/2023 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy hợp đồng được giao kết có nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật Dân sự, Điều 90, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 33, Điều 35 và Điều 36 của Luật Giao dịch điện tử năm 2005; Điều 53 của Luật Giao dịch điện tử năm 2023 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Xét về số nợ gốc, nợ lãi nguyên đơn yêu cầu thanh toán theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4185564 ngày 09/01/2023.

Theo các điều khoản của Hợp đồng, bị đơn bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi hàng tháng, cũng như nghĩa vụ trả gốc khi đến kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng, nên nguyên đơn đã chuyển nợ quá hạn và tính lãi trong hạn và quá hạn với mức lãi suất, thời gian vi phạm theo đúng các thoả thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã cam kết, phù hợp với Điều 280, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Như vậy, đủ căn cứ buộc bà N1 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc chưa trả, tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng trên, cụ thể tính đến ngày 19/9/2024 là 37.870.294 đồng, trong đó tiền gốc 20.514.976 đồng, lãi trong hạn 9.858.820 đồng, lãi quá hạn 6.656.092 đồng và lãi chậm trả 840.406 đồng.

Ngoài ra, bà N1 phải tiếp tục trả lãi của số tiền chưa trả theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4185564 ngày 09/01/2023 kể từ ngày 20/9/2024 cho đến khi bà N1 trả hết nợ..

[3] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 280, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91,Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Đào Thị Tuyết N1.

Buộc bàĐào Thị Tuyết Nhi phải thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/09/2024) với tổng số tiền là 37.870.294 đồng, trong đó tiền gốc 20.514.976 đồng, lãi trong hạn 9.858.820 đồng, lãi quá hạn 6.656.092 đồng và lãi chậm trả 840.406 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/9/2024), bà Đào Thị Tuyết N1 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4185564 ngày 09/01/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đào Thị Tuyết N1 phải nộp 1.893.515 đồng (một triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm mười lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty T (Việt Nam) số tiền 8MERGEFIELD số_tiền_biên_lai 00.000 đồng (tám trăm nghìn đồng)ứng án phí đã nộp theo B lại thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000261 ngày 27/06/2024của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Ngát